TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS- PT
Ngày 27-11-2019
V/v "Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa.

Các Thẩm phán: Ông Vàng Xuân Hiệp;

Ông Bùi Ngọc Bính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đới Xuân Huy - Thư ký TAND tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu: Ông Nguyễn Thanh H, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử Phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/TLPT- DS ngày 18/10/2018 về việc "Đòi lại tài sản" do bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS – ST Ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện TU bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐ - PT ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn L, sinh năm 1983(Có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Khu 17, Thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1982.(Có mặt)

Chỗ ở hiện nay: Khu 17, Thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Ông Chu Văn T, sinh năm 1977; Luật sư Công ty Luật TNHH 88

Địa chỉ: Số 648 Q T, Phường L K, Quận HĐ, Thành phố Hà Nội (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1985 (Có mặt)

Chỗ ở hiện nay: Khu 17, Thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn ThU, huyện ThU, tỉnh Lai Châu.

- Ông Lò Văn S, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Bản PH, xã MK, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

- Anh Lường Văn Đ2, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Bản HB, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu 17, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

- Anh Lò Văn T3, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Bản VM, xã NC, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

- Anh Lò Văn C2, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Bản VM, xã NC, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

- Anh Lò Văn L2, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Bản VM, xã NC, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

- Anh Lương Ngọc L3, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu 15, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

- Anh Trần Văn N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu 17, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

- Chị Lê Thị N2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu 17, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

Tất cả những người làm chứng vắng mặt không lý do, trừ bà Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/01/2019, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phan Văn L trình bày: Vào năm 2013 anh mua một số gốc cây bằng gỗ gù hương của ông Châu A D, trú tại bản HS, xã MK, huyện TU. Đến tháng 5/2015 anh đã thuê anh Nguyễn Mạnh C ở khu 4 thị trấn ThU, huyện ThU đến nhà anh để đục tượng, làm lục bình và một bộ bàn ghế đều bằng gỗ gù hương từ các gốc cây mà anh đã mua của ông Châu A D. Đến khoảng tháng 6 năm 2017, để chuẩn bị cho việc sửa nhà nên anh đã mang số đồ gỗ gồm: 01 bức tượng di lặc kích thước 02m x 1,1m x 0,65m; 01 lục bình

kích thước 1,12m x 0,7m x 0,35m; 01 bộ bàn ghế (01 bàn kích thước 1,08m x 0,52m; 01 ghế kích thước 2,1m x 1,05m x 0,43m; 01 ghế kích thước 1,1m x 1,15m x 53cm; 01 ghế kích thước 1,16m x 01m x 50cm) đến nhà anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1982, trú tại khu 17, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu để gửi nhờ. Khi mang đồ đi gửi nhà anh Đ thì có ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị H là người cùng khu 17, thị trấn TU làm chứng. Đến tháng 12/2017 anh xuống nhà anh Đ xin lại số đồ gỗ trên nhưng anh Đ không đồng ý trả lại với lý do anh Đ nói đã mua toàn bộ só đồ gỗ trên của anh với giá 100.000.000đ. Tuy nhiên giữa anh và anh Đ không có việc mua bán nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu buộc anh Nguyễn Đức Đ phải trả lại toàn bộ số tài sản bằng gỗ mà anh đã gửi tại nhà anh Đ.

Bị đơn anh Nguyễn Đức Đ trình bày:

Anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh L, anh không trả toàn bộ số đồ gỗ cho anh L gồm 01 bức tượng di lặc kích thước 02m x 1,1m x 0,65m; 01 lục bình kích thước 1,12m x 0,7m x 0,35m; 01 bộ bàn ghế (01 bàn kích thước 1,08m x 0,52m; 01 ghế kích thước 2,1m x 1,05m x 0,43m; 01 ghế kích thước 1,1m x 1,15m x 53cm; 01 ghế kích thước 1,16m x 01m x 50cm) vì anh đã mua của anh L với số tiền 100.000.0000đ và tuy nhiên việc mua bán không làm giấy tờ, không có người làm chứng.

Chị Nguyễn Thị T2, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vợ anh L) trình bày: Khoảng giữa tháng 5/2017 gia đình chị có ý định sửa nhà nên chồng chị là anh L đã mang 01 bộ bàn ghế bằng gốc cây; 01 bức tượng Di lặc và 01 lục bình đến nhà anh Nguyễn Đức Đ gửi. Đến khoảng tháng 12 năm 2017 gia đình chị đến xin lại nhưng anh Đ không trả nay chị yêu cầu anh Đ trả lại cho gia đình chị số tài sản đã gửi trên.

Chị Lê Thị N2, là người làm chứng (vợ anh Đ) trình bày: Thời gian chị không nhớ chính xác nhưng khoảng giữa tháng 6 hoặc tháng 7/2017 chị đi làm về thì thấy nhà có bộ bàn ghế bằng gốc cây kê ở nhà, chị có hỏi nhưng anh Đ nói mua của anh L. Trước khi mua anh Đ không bàn bạc gì với chị về việc mua bàn ghế hay những đồ gỗ khác và tại thời điểm đó gia đình chị còn nợ Ngân hàng khoảng 200.000.000đ. Nay anh L đòi lại số tài sản trên chị không biết vì đây là việc của anh Đ và anh L, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người làm chứng: Anh Trần Văn N trình bày: Vào khoảng tháng 6/2017, buổi sáng khoảng 09 giờ anh có đi lên nhà cũ của anh ở khu 17, thị trấn TU (gần nhà anh L) để làm vườn. Khi đó anh L và anh Đ có nhờ anh khiêng hộ bộ bàn ghế gỗ gù hương, lục bình, tượng của anh L lên xe cải tiến để chở về nhà anh Đ, cách nhà anh L khoảng 200m. Khi khiêng số tài sản đó lên xe, anh N có

hỏi anh L *"mày bán à"* thì anh L trả lời *"không em gửi"* sau đó anh khiêng lên xe cải tiến giúp anh L và anh Đ, xong anh về nhà.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào khoảng thời gian nào bà H không nhớ rõ (vì đã lâu), khoảng giữa năm 2017 vào buổi trưa, anh L có hỏi bà để nhờ bộ bàn ghế tại nhà bà, nhưng bà nói em trai bà để nhờ bộ bàn ghế rồi nên anh L mang xuống nhà anh Đ để gửi, còn tất cả những gì xảy ra bà H không biết.

Tòa án nhân dân huyện TU đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định toàn bộ tài sản gồm (BL 35, 36): 01 bộ bàn ghề bằng gỗ gù hương (bàn hình gốc cây kích thước 1,08m x 0,52 m; Một ghế băng dài 2,1m x1,05m x 0,43m; 01 ghế đơn kích thước 1,16m x 1,0m x0; 01 ghế đơn kích thước 1,1m x 1,15m x 0,53m; Một tượng Di lặc kích thước 02m x 1,1m x 0,65m; Một bộ lục bình hình dạng gốc cây liền khối kích thước 1,12m x 0,7m x 0,3m. Toàn bộ số bàn ghế, tượng Di lặc, lục bình được xác định là gỗ Gù hương và được xác định đang tập kết tại nhà anh Nguyễn Đức Đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2019. Tòa án nhân dân Huyện TU đã yêu cầu anh Đ quản lý, bảo vệ, không được làm hư hỏng, không được mua bán chuyển nhượng, anh Đ đã đồng ý và cam đoan nếu không thực hiện anh Đ sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm và ký tên vào biên bản lấy lời khai này (BL22)

Tòa án cấp sơ thẩm đã hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày 16/8/2019 bị đơn anh Nguyễn Đức Đ yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để lấy lời khai những người làm chứng. Tòa án cấp sơ thẩm đã ngừng phiên tòa để xác minh thêm các nhân chứng theo đề nghị của anh Đ. Kết quả: Người làm chứng anh Lò Văn L2, (người đã làm thuê cho anh Nguyễn Đức Đ) trình bày: Thời gian anh L2 không nhớ rõ, khoảng từ đầu năm đến giữa năm 2017, khi đó anh đang làm thuê nhà anh Đ thì anh Đ nói "đi khiêng hộ tao bộ bàn ghế" còn việc mua bán hay thanh toán như thế nào anh không biết; Anh Lò Văn C2, (người đã làm thuê cho anh Nguyễn Đức Đ) trình bày: Thời gian anh C2 không nhớ, khi đó anh C2 đang làm thuê nhà anh Đ thì anh Đ nói "đi khiêng hộ bộ bàn ghế" còn việc mua bán trao đổi giữa người mua và người bán như thế nào anh C2 không biết.

Anh Lò Văn T3, (người đã làm thuê cho anh Nguyễn Đức Đ) trình bày: Trong thời gian làm thuê nhà anh Đ được 03 ngày khoảng giữa năm 2017, khi anh T3 đang làm việc thì anh Đ có nói đi khiêng hộ bộ bàn ghế, còn việc trao đổi mua bán như thế nào anh T3 không được biết.

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận đươc với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số thẩm 02/2019/DS – ST Ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện TU đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 229; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn L. Buộc bị đơn anh Nguyễn Đức Đ phải trả cho anh Phan Văn L số tài sản bằng gỗ gồm: 01 bức tượng di lặc kích thước 02m x 1,1m x 0,65m; 01 lục bình kích thước 1,12m x 0,7m x 0,35m; 01 bộ bàn ghế (01 bàn kích thước 1,08m x 0,52m; 01 ghế kích thước 2,1m x 1,05m x 0,43m; 01 ghế kích thước 1,1m x 1,15m x 53cm; 01 ghế kích thước 1,16m x 01m x 50cm) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 19/9/2019 anh Nguyễn Đức Đ có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh phải trả lại toàn bộ tài sản như quyết định của bản án.

Tại giai đoạn phúc thẩm, anh Nguyễn Đức Đ giao nộp bổ sung chứng cứ là các xác nhận của người làm chứng Trần Văn N, Nguyễn Trọng Lanh, Lò Văn Xi. Xác nhận của anh Trần Văn N cho rằng anh Đ nhờ anh N khiêng bộ bàn ghế chứ không phải anh L nhờ khiêng, anh không được hỏi anh L như bản án sơ thẩm nêu (BL171). Xác nhận của anh Lò Văn Xi nêu có chứng kiến việc anh Đ trả tiền cho một người đàn ông, anh Xi có hỏi anh Đ tiền gì thì anh Đ bảo trả tiền mua bộ bàn ghế và mấy thứ khác nữa; Xác nhận của anh Nguyễn Trọng Lanh về việc anh được anh Đ nhờ khiêng bộ bàn ghế lên xe bò và khênh xuống xe, ngoài ra anh không biết gì.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Đức Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và mời thêm người làm chứng là Lò Văn Xi và Nguyễn Trọng Lanh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, luật sư Chu văn T đề nghị Hội đồng xét xử Hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như: đơn khởi kiện ghi ngày 15/01/2019, BL06 có bản tự khai ghi cùng ngày nhưng giấy xác nhận (BL08) do Chánh án Tòa án nhân dân huyện TU xác nhận đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 nhưng trong hồ sơ không có đơn này. Trong quá trình xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định tại chỗ; Nhiều bút lục trong hồ sơ: 22, 23; 39, 40, 41, 42, 46, 47, 48, từ 61 đến 68, 79, 85, 86, 89, 92, 93, 94, 102, 125, 123, 121, 1120, 90 có sự tảy xóa. Ngoài ra Luật sư còn đề nghị ngừng phiên tòa giám định chữ ký, chữ viết của các nhân chứng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đề nghị HĐXX căn cứ vào điều 293, khoản 1 Điều 308, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Đức Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số

02/2019/DS – ST Ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Phan Văn L khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Đức Đ trả lại số đồ làm bằng gỗ gồm: 01 bức tượng Di lặc cao khoảng 170cm, rộng 80cm; 01 lục bình cao khoảng 110cm, rộng 40x 45cm; 01 bộ bàn ghế (01 bàn cao khoảng 50cm, rộng khoảng 80- 100cm; 01 ghế văng dài 230cm, rộng 45cm; 02 ghế đơn dài 90- 100cm), xét đây là yêu cầu đòi lại tài sản phát sinh từ hợp đồng gửi giữ tài sản. Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Tòa án cấp phúc thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 29/10/2019 ấn định ngày 14/11/2019 mở phiên tòa thì ngày 11/11/2019 Tòa án nhận được thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư Chu Văn T. Phiên tòa 14/11/2019 vắng mặt bị đơn, căn cứ vào khoản 2 điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX hoãn phiên tòa ấn định ngày xét xử 27/11/2019. Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập các nhân chứng để tiến hành đối chất. HĐXX xét thấy các nhân chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của các nhân chứng không gây trở ngại cho quá trình xét xử vụ án Căn cứ vào khoản 2 điều 229 Bộ luật TTDS Hội đồng xét xử quyết định không hoãn phiên tòa, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Đức Đ, cấp phúc thẩm thấy rằng: cả anh L và anh Đ, chị T2, Chị N2 đều công nhận những tài sản gồm 01 bức tượng Di lặc cao khoảng 170cm, rộng 80cm; 01 lục bình cao khoảng 110cm, rộng 40x 45cm; 01 bộ bàn ghế (01 bàn cao khoảng 50cm, rộng khoảng 80- 100cm; 01 ghế văng dài 230cm, rộng 45cm; 02 ghế đơn dài 90- 100cm) có nguồn gốc là của anh Phan Văn L. Ngoài ra lời khai ông Châu A D ở bản HS, xã MK, huyện TU cho rằng anh L đã mua các gốc cây gỗ Gù hương của ông và lời khai của anh Nguyễn Mạnh C là người được anh L thuê đục thành các sản phẩm bàn ghế, lọ lục bình và tượng Di lặc. Như vậy có căn cứ khẳng định khối tài sản trên có nguồn gốc của anh Phan Văn L

Căn cứ vào lời khai của anh L, chị H, anh Đ thì việc anh L gửi các tài sản gồm 01 bức tượng Di lặc, 01 bộ bàn ghế (01 bàn; 01 ghế văng dài 230cm, 02

ghế đơn dài 90 - 100cm, 01 lục bình là có thật. Nhưng anh Đ cho rằng sau đó anh đã mua của anh L với giá 100.000.000,0 đồng, việc mua bán không làm giấy tờ gì, không có ai là người làm chứng Ngoài lời khai của anh Đ ra có lời khai của chị N2, chị khai khoảng giữa tháng 6 hoặc tháng 7/2017 chị đi làm về thì thấy nhà có bộ bàn ghế bằng gốc cây kê ở nhà, chị có hỏi nhưng anh Đ nói mua của anh L. Trước khi mua anh Đ không bàn bạc gì với chị về việc mua bàn ghế hay những đồ gỗ khác và tại thời điểm đó gia đình chị còn nợ Ngân hàng khoảng 200.000.000đ. Nay anh L đòi lại số tài sản trên chị không biết vì đây là việc của anh Đ và anh L. Các người làm chứng anh Đ xuất trình như Lò Văn L2, Lò Văn C2, Lò Văn T3 chỉ biết anh Đ bảo đi khiêng hộ bàn ghế còn việc mua bán như thế nào anh L2, anh C2, anh T3 đều không biết.

Tại giai đoạn phúc thẩm hôm nay anh Đ có xuất trình văn bản xác nhận của anh N về việc cho rằng anh Đ nhờ anh N khiêng bộ bàn ghế chứ không phải anh L nhờ khiêng, anh không được hỏi anh L như bản án sơ thẩm nêu (BL171). Xác nhận của anh Lò Văn Xi nêu có chứng kiến việc anh Đ trả tiền cho một người đàn ông, anh Xi có hỏi anh Đ tiền gì thì anh Đ bảo trả tiền mua bộ bàn ghế và mấy thứ khác nữa; Xác nhận của anh Nguyễn Trọng Lanh về việc anh được anh Đ nhờ khiêng bộ bàn ghế lên xe bò và khênh xuống xe, ngoài ra anh không biết gì.

Đối với xác nhận của anh N, hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của anh N có mâu thuẫn, các lời khai tại cấp sơ thẩm anh N đều thể hiện việc khênh bộ bàn ghế do anh L nhờ (BL90, 121), tới cấp phúc thẩm xác nhận của anh N lại ngược lại. Do đó xét thấy lời khai anh N không khách quan nên Hội đồng xét xử không lấy lời khai của anh N để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đối với các xác nhận của anh Lò Văn Xi và Nguyễn Trọng Lanh, đây là các tài liệu mà anh Đ đã biết trước trong quá trình xét xử sơ thẩm nhưng không xuất trình, do đó không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 điều 287 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận. Mặt khác các tài liệu anh Đ xuất trình tại cấp phúc thẩm không phản ánh việc anh L bán cho anh Đ các tài sản gửi giữ ở trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: ngày 15/01/2019 anh L viết đơn khởi kiện (BL01) nhưng BL08, Chánh án xác nhận đơn khởi kiện ghi ngày 03/12/2018 mà trong hồ sơ vụ án không có đơn này. Hội đồng xét xử đã làm rõ tại phiên tòa anh L khai vào ngày 03/12/2018 anh Đ có viết đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện TU nhưng Tòa án huyện TU đã yêu cầu sửa chữa bổ sung đơn khởi kiện nên ngày 15/01/2019 anh L tiếp tục làm đơn khởi kiện và được Tòa án cấp sơ

thẩm chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay anh L không khiếu kiện về việc chậm giải quyết vụ án. Xét thấy cấp sơ thẩm có thiếu sót nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ịch hợp pháp của anh L nên không nhất thiết phải hủy bản án sơ thẩm về vi phạm này. Về yêu cầu xác minh các bút lục bị tảy xóa như trên, qua xem xét các bút lục nói trên có việc đánh lại số bút lục chứ không có việc tảy xóa về nội dung. Đây là việc làm cẩu thả của cấp sơ thẩm phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.Về yêu cầu ngừng phiên tòa để giám định chữ ký và chữ viết của những người làm chứng, hội đồng xét xử xét thấy những người làm chứng chỉ xác nhận việc có khiêng hộ các tài sản tranh chấp chứ ngoài ra các người làm chứng không biết việc mua bán hay gửi các tài sản trên. Bên cạnh đó tại phiên tòa hôm nay, anh L, anh Đ đều công nhận số tài sản tranh chấp trước khi mang sang nhà anh Đ là của anh L. Anh Đ không xuất trình được tài liệu về việc mua các tài sản tranh chấp đó. Ngoài ra người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định tại chỗ. Hội đồng xét xử xét thấy tại hồ sơ từ BL34 đến BL 36, từ 36A đến 36G đã phản ánh việc xem xét thẩm định tại chỗ của cấp sơ thẩm.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định vào khoảng tháng 6 năm 2017 giữa anh Phan Văn L và anh Nguyễn Đức Đ có thiết L một hợp đồng gửi giữ tài sản bằng miệng. Theo đó anh L là người gửi tài sản, anh Đ là người giữ tài sản. Tài sản gửi giữ là: 01 bộ bàn ghề bằng gỗ gù hương (bàn hình gốc cây, một ghế băng dai 230cm; 02 ghế đơn rộng khoảng 45 đến 50cm, cao khoảng 110cm, dài khoảng 110cm); Một tượng Di lặc cao khoảng 170cm, đường kính khoảng 100cm; Một bộ lục bình thế cao khoảng 100- 110cm, rộng khoảng 40- 45 cm hình dạng gốc cây liền khối. Toàn bộ số bàn ghế, tượng Di lặc, lục bình được xác định là gỗ Gù hương thuộc quyền sở hữu của anh L. Việc gửi giữ hai bên không thỏa thuận tiền công, thời gian gửi giữ không xác định. Do đó căn cứ vào điều 556 BLDS năm 2015 anh L có quyền lấy lại tài sản bất cứ lúc nào vì hợp đồng không xác định thời hạn nhưng phải báo trước cho bên giữ thời gian hợp lý. Trên thực tế anh L và chị T2 đã sang nhà anh Đ để xin lấy tài sản về nhiều lần nhưng anh Đ không trả, như vậy đã đủ cơ sở cho rằng anh L đã thực hiện nghĩa vụ báo trước. Căn cứ vào điều 166 , điều 559, 560 Bộ luật dân sự 2015, anh Đ phải trả lại chính tài sản đã nhận của anh L. Trường hợp chậm giao tài sản phải chịu mọi rủi ro đối với tài sản trong thời gian chậm giao. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc anh Nguyễn Đức Đ phải trả cho anh Phan Văn L các tài sản gồm: 01 bức tượng di lặc kích thước 02m x 1,1m x 0,65m; 01 lục bình kích thước 1,12m x 0,7m x 0,35m; 01 bộ bàn ghế (01 bàn kích thước 1,08m x 0,52m; 01 ghế kích thước 2,1m x 1,05m x 0,43m; 01 ghế kích thước 1,1m x 1,15m x 53cm; 01 ghế kích thước 1,16m x 01m x 50cm) hiện đang lưu giữ tại nhà anh Đ là đúng *(Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu anh Đ giữ gìn, quản lý, bảo vệ, không*

được làm hư hỏng, mua bán hoặc chuyển nhượng, anh Đ đồng ý và cam đoan nếu không thực hiện thì hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật- BL21,22) Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức Đ.

Về án phí: Do nguyên đơn đề nghị bị đơn trả lại đúng tài sản đang gửi giữ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.Áp dụng Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn Nguyễn Đức Đ phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 293, khoản 1 Điều 308, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Đức Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2019/DS – ST Ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu.

Cụ thể: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 điều 554,556 điều 559, 560 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn L. Buộc bị đơn anh Nguyễn Đức Đ phải trả cho anh Phan Văn L số tài sản bằng gỗ Gù hương gồm: 01 bức tượng di lặc kích thước 02m x 1,1m x 0,65m; 01 lục bình kích thước 1,12m x 0,7m x 0,35m; 01 bộ bàn ghế (01 bàn kích thước 1,08m x 0,52m; 01 ghế kích thước 2,1m x 1,05m x 0,43m; 01 ghế kích thước 1,1m x 1,15m x 53cm; 01 ghế kích thước 1,16m x 01m x 50cm) hiện đang lưu giữ tại nhà anh Nguyễn Đức Đ; Địa chỉ Khu 17, Thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu.*(Có bản ảnh kèm theo).*

4. Về án phí:

- Bị đơn anh Nguyễn Đức Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Nguyên đơn anh Phan Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh Lai Châu số tiền là 6.250.000đ *(Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).* Theo biên lai thu số: AA/2010/0000440 ngày 22/01/2019.

Anh Nguyễn Đức Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000VNĐ Anh Đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000,0 đồng (*ba trăm nghìn đồng*

chẵn) tại biên lai số 0002650 ngày 25/9/2019 tại Chi cục Thi hành án Huyện TU nay chuyển sang án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (27/11/2019).

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh,
- VKSND huyện TU;
- TAND huyện TU;
- CC THADS huyện TU; ;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và Lợi ích hợp pháp cho đương sự
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa